BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

04/11/2020

Tổng quan thị trường

03/11/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	**935.41**	**0.19%**	**902.14**	**0.32%**	**138.58**	**1.25%**
Cuối tuần trước	925.47	1.07%	892.55	1.07%	135.34	2.39%
Trung bình 20 ngày	938.36	-0.31%	898.04	0.46%	138.13	0.33%
Tổng KLGD (triệu cp)	**318.70**	**7.09%**	**113.81**	**33.53%**	**41.97**	**22.89%**
KLGD khớp lệnh	**302.85**	**10.90%**	**110.88**	**32.70%**	**36.52**	**21.06%**
Trung bình 20 ngày	368.31	-17.77%	146.27	-24.20%	48.13	-24.12%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	**6,306.11**	**18.01%**	**3,447.20**	**30.36%**	**626.89**	**66.29%**
GTGD khớp lệnh	**5,851.88**	**25.73%**	**3,221.25**	**27.35%**	**484.87**	**47.60%**
Trung bình 20 ngày	7,117.61	-17.78%	4,152.59	-22.43%	659.23	-26.45%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	266	54%	18	60%	90	25%
Số mã giảm	157	32%	11	37%	56	16%
Số mã đứng giá	69	14%	1	3%	209	59%

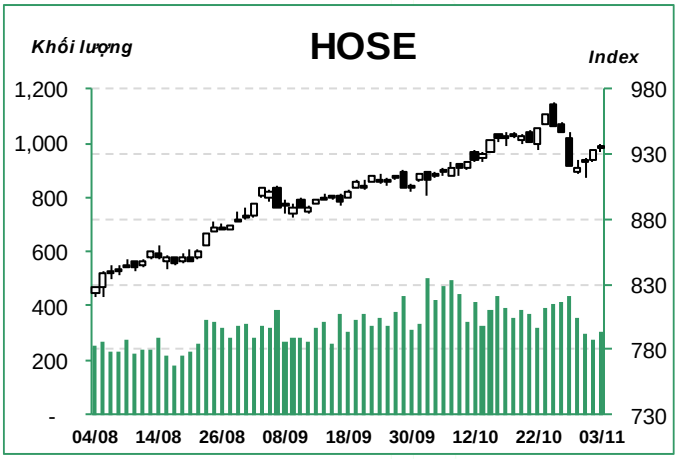

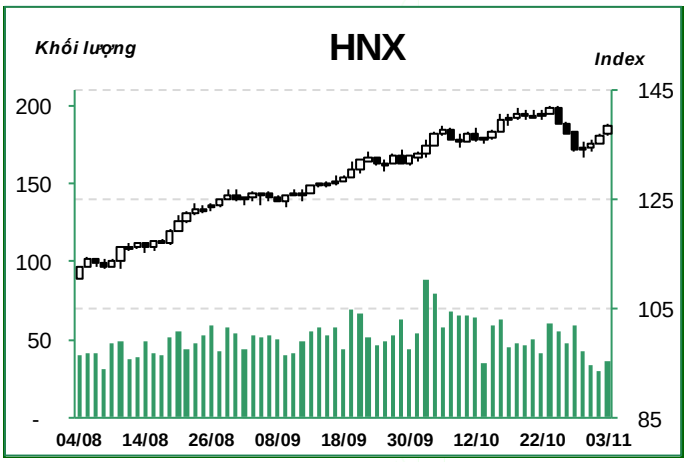

Thị trường có phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp trên 2 sàn HoSE và HNX đi kèm với thanh khoản phục hồi trở lại so với trước đó cho thấy những tín hiệu lực cầu tích cực trong ngắn hạn. Tuy nhiên, rủi ro đảo chiều vẫn đang hiện hữu khi sự kiện bầu cử tổng tống Mỹ sắp diễn ra có thể tác động mạnh mẽ đến xu hướng của thị trường chứng khoán trong thời gian sắp tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index giằng co trên ngưỡng tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch. Mặc dù có lúc đảo chiều trong sắc đỏ vào phiên chiều nhưng chỉ số vẫn phục hồi trở lại và chốt phiên tăng nhẹ lên mức 935.41 điểm (+0.19%). KLGD khớp lệnh đạt 302.8 triệu cổ phiếu (+10.9%), tương đương 5,852 tỷ đồng giá trị (+25.7%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua khi số mã tăng vẫn chiếm ưu thế (266 mã tăng so với 157 mã giảm).

Nhìn chung các trụ cột có diễn biến phân hóa mạnh. Trong khi Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.2%), Techcombank-TCB (+2.8%), BIDV-BID (+1.3%) tăng điểm tích cực thì Vingroup-VIC (-2.0%), Vietcombank-VCB (-0.9%), Vietinbank-CTG (-0.7%) và Masan-MSN (-0.6%) điều chỉnh gây sức ép giảm điểm. Điểm nhấn của sàn HoSE hôm nay đến từ các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ với nhiều mã tăng trần như BĐS Phát Đạt-PDR (+6.9%), Điện Gia Lai-GEG (+7.0%), Thế Giới Số-DGW (+6.8%) hay một số nhóm ngành tăng mạnh như vận tải hay chứng khoán.

Khối ngoại gia tăng áp lực bán trên sàn HoSE trong hôm nay, đạt giá trị 653.5 tỷ đồng (+27.8%). Trong đó, Masan-MSN (-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
	HOSE	
VIC	921.1	93.20
HNG	3,710.0	40.81
MSN	360.0	30.24
NVL	470.0	28.42
VNM	256.5	27.45
SAB	129.5	23.91
VNG	1,580.0	21.49
CTI	1,480.0	19.98
SHI	1,448.0	11.98
HPX	391.5	10.97
	HNX	
VCG	2,510.0	101.43
SHS	800.0	10.40
TAR	487.7	9.18
VC3	500.0	8.35
ACB	190.6	4.31
HKT	581.0	4.30
NVB	230.0	2.07
PVS	150.0	1.99

211.1 tỷ), Hòa Phát-HPG (-172.5 tỷ), Vinhomes-VHM (-56.8 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, khối này mua ròng các cổ phiếu Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa-SBT (+11.1 tỷ), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+7.4 tỷ) và Bảo Việt-BVH (+6.9 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index khởi sắc hơn khi đóng cửa tại mức 138.58 điểm (+1.25%). KLGD khớp lệnh đạt 36.5 triệu cổ phiếu (+21.1%), tương đương 484.9 tỷ đồng giá trị (+47.6%).

Đa phần các cổ phiếu vốn hóa lớn của sàn HNX đều chốt phiên tăng điểm. Trong đó, nổi bật nhất là Ngân hàng Á Châu-ACB (+2.0%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.3%) hay phiên tăng trần của Cảng Hải Phòng-PHP (+9.2%). Ở chiều ngược lại, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-2.8%), Công nghiệp mỏ Việt Bắc-MVB (-9.6%), Bảo hiểm PVI-PVI (-1.4%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại cũng đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX với giá trị 6.5 tỷ đồng (+397.8%). Trong đó, khối ngoại tập trung bán ròng Sông Đà 9-SD9 (-2.4 tỷ), Sông Đà 6-SD6 (-2.2 tỷ) và Y tế Việt Mỹ-AMV (-1.6 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được mua vào là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+3.4 tỷ), Dệt may TNG-TNG (+0.5 tỷ) và Nhựa Tiền Phong-NTP (+0.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì dưới bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có phần thận trọng. Không những vậy, chỉ số vẫn chưa thể thoát khỏi áp lực điều chỉnh ngắn hạn, khi chỉ số vẫn chịu sức ép của MA20, kèm theo chỉ báo +DI vẫn nằm dưới –DI. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, một số tín hiệu tích cực đang dần xuất hiện, như chỉ số duy trì trên MA5, kèm theo RSI hướng lên vùng 55, cho thấy đà phục hồi được cải thiện. Trong trường hợp, chỉ số có thể vượt qua được áp lực của MA20, thì chỉ số có thể có cơ hội bước vào đợt hồi ngắn hạn và hướng tới vùng kháng cự đỉnh cũ quanh 960-970 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp và cắt lên trở lại MA20, cùng với RSI vượt lên trên vùng 58, cho thấy đà phục hồi đang mạnh dần lên. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng lên thử thách ngưỡng đỉnh cũ quanh 142 điểm. Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 3/11 vẫn chưa đủ để xác nhận thị trường thoát khỏi áp lực điều chỉnh ngắn hạn hay chưa. Do đó, nhà đầu tư vẫn nên quan sát thận trọng và chỉ nên giải ngân với tỷ trọng thăm dò vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
GEG	15.3	801.2	7.0%
CMV	12.4	0.0	6.9%
PDR	43.4	3,122.7	6.9%
STG	14.8	0.3	6.9%
HTN	31.2	129.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
HVX	3.2	6.6	-7.0%
HRC	41.0	0.0	-6.9%
VAF	8.6	3.5	-6.9%
TTF	5.7	8,533.2	-6.9%
HU3	7.8	28.7	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	22.0	614.8	2.8%
HPG	30.7	541.5	0.3%
HSG	16.5	338.0	3.5%
MSN	84.0	266.6	-0.6%
GVR	15.5	171.0	6.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
TCB	22.0	27,962.0	2.8%
HSG	16.5	20,514.8	3.5%
HPG	30.7	17,521.0	0.3%
FLC	4.5	12,942.0	0.9%
STB	13.6	12,021.5	1.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	1.1	227.5	10.0%
BII	1.1	42.9	10.0%
HTC	28.6	0.8	10.0%
VCM	16.6	2.6	9.9%
SGD	8.9	0.1	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
PSI	3.6	0.3	-10.0%
CAN	26.5	0.1	-9.9%
SDC	12.0	1.0	-9.8%
MVB	14.1	1.1	-9.6%
PDB	6.6	26.0	-9.6%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	25.0	192.1	2.0%
SHB	15.8	32.4	1.3%
SHS	12.8	27.5	3.2%
PVS	13.4	26.1	1.5%
PLC	22.4	22.9	6.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	25.0	7,708.7	2.0%
HUT	2.4	2,406.8	0.0%
MST	4.0	2,400.3	0.0%
SHS	12.8	2,175.3	3.2%
SHB	15.8	2,058.7	1.3%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	387.0	6.1%	1,040.4	16.5%	-653.5
HNX	9.6	1.5%	16.2	2.6%	-6.5
Tổng số	**396.6**		**1,056.6**		**-660.0**

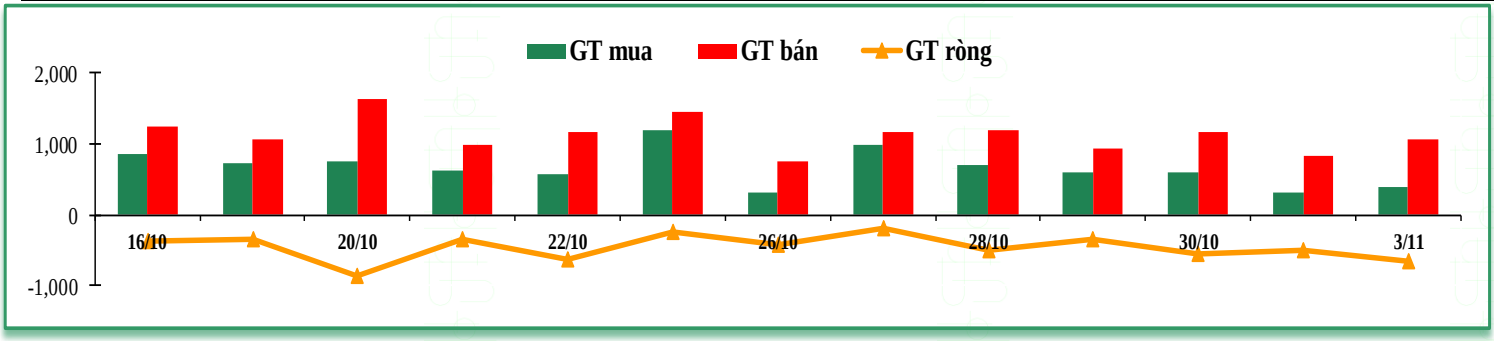

HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	104.4	86.2	-2.0%
VNM	107.7	53.2	0.1%
VHM	75.8	31.5	-0.1%
SAB	185.5	27.1	0.0%
HPG	30.7	15.1	0.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	84.0	216.0	-0.6%
HPG	30.7	187.6	0.3%
VHM	75.8	88.3	-0.1%
VIC	104.4	87.0	-2.0%
VNM	107.7	80.8	0.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SBT	15.4	11.1	4.4%
GVR	15.5	7.4	6.2%
BVH	52.0	6.9	2.0%
IMP	49.5	4.6	-0.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.8	5.8	3.2%
SED	14.8	1.3	-6.9%
TNG	11.9	0.5	0.9%
DAD	16.3	0.5	0.6%
NTP	33.6	0.3	0.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SD9	5.8	2.4	-1.7%
SHS	12.8	2.4	3.2%
SD6	2.5	2.2	-3.9%
AMV	16.1	1.7	0.6%
SED	14.8	1.3	-6.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.8	3.4	3.2%
TNG	11.9	0.5	0.9%
NTP	33.6	0.3	0.3%
PHP	13.0	0.2	9.2%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

HSG	16.5	4.4	3.5%	IDV	53.2	0.1	-0.6%

Tin trong nước

Lợi nhuận doanh nghiệp khu công nghiệp phân hóa mạnh trong quý III

Lợi nhuận D2D, Kinh Bắc, Idico giảm sâu

Công ty Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (HoSE: D2D) ghi nhận doanh thu quý III chỉ còn hơn 63 tỷ đồng, giảm 77% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế còn hơn 34 tỷ đồng, giảm 78%. Kết quả này chủ yếu do nguồn thu từ dự án Khu dân cư Lộc An bị giảm mạnh.

Tính lũy kế 9 tháng, doanh thu giảm 47% và lợi nhuận sau thuế giảm 23% còn hơn 184 tỷ đồng. Dù vậy với kế hoạch lãi 179 tỷ đồng năm 2020, doanh nghiệp đã vượt kế hoạch năm sau 9 tháng.

Để bù đắp nguồn thu giảm từ Lộc An, D2D đã triển khai nhiều dự án dở dang khác như Khu dân cư đường Võ Thị Sáu, Khu dân cư phường Thống Nhất, chung cư D2D, chợ mới Quản Thủ, KCN Nhơn Trạch 2, dự án thuê đất KCN Châu Đức…

Tương tự Sonadezi Châu Đức (HoSE: SZC) ghi nhận doanh thu quý III đạt 89 tỷ đồng, giảm 49% so với cùng kỳ 2019 và lãi giảm 44% còn 37 tỷ đồng. Kết quả đi xuống theo doanh nghiệp là bởi dịch Covid-19 khiến khách hàng thuê đất gặp nhiều khó khăn về tài chính.

Nhờ sự khả quan trong nửa đầu năm, Sonadezi Châu Đức vẫn báo doanh thu 9 tháng tăng 28% và lợi nhuận sau thuế tăng 41% đạt 162 tỷ đồng. Theo đó, công ty cũng vượt 41% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Tổng công ty Idico (HNX: IDC) có kết quả kém khả quan khi lợi nhuận giảm đến 30% trong quý vừa qua còn 170 tỷ đồng. Sau 9 tháng, lợi nhuận trước thuế giảm 20% xuống 382 tỷ đồng và vượt 18% kế hoạch năm.

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) thậm chí còn lỗ gần 9 tỷ đồng. Lỗ thuộc về cổ đông công ty mẹ 21 tỷ, trong khi cùng kỳ có lãi 110 tỷ đồng. Như vậy kể từ mức lỗ ròng 58 tỷ đồng quý III/2013, đây là lần đầu công ty báo lỗ trở lại.

Một số đơn vị khác có lợi nhuận giảm trong quý vừa qua có thể kể đến như Khu công nghiệp Cao Su Bình Long (UPCoM: MH3) giảm 16%, lợi nhuận Tổng công ty Sonadezi (UPCoM: SNZ) giảm 8% chủ yếu do giảm doanh thu kinh doanh nhà và hạ tầng…

Hiệp Phước và BAX lãi đột biến

Ở chiều ngược lại, Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCoM: HPI) bất ngờ lãi lớn 115 tỷ đồng trong quý vừa qua, gấp 24 lần cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này là do doanh thu cho thuê đất tăng 525% khi công ty có nhiều hơn các hợp đồng đã thanh toán đạt mức 95% (khi hợp đồng được thanh toán đến 95%, Hiệp Phước sẽ thực hiện ghi nhận doanh thu 1 lần thay vì phân bổ đều theo số năm thuê nếu chưa đạt tỷ lệ này). Doanh thu khác bao gồm cấp nước và xử lý nước thải, cho thuê nhà lưu trú, doanh thu tài chính… cũng tăng 30%.

Tính lũy kế 9 tháng, doanh thu Hiệp Phước dù giảm 34% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận vẫn tăng 30% đạt 131 tỷ đồng. Với kết quả này, công ty đã vượt đến 103% kế hoạch năm.

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX) cũng có sự đột biến trong quý III khi doanh thu cao gấp 13 lần cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế gấp gần 16 lần cùng kỳ đạt 121 tỷ đồng. Đây là quý có mức doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ khi lên sàn giao dịch hồi năm 2017 đến nay. Kết quả này là nhờ nguồn thu mới từ bán đất nền nhà ở dự án khu Trung tâm dịch vụ của doanh nghiệp.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Sau 9 tháng hoạt động, doanh thu thuần tăng gần 74% lên 283 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 94% đạt hơn 135 tỷ đồng, vượt 25% kế hoạch năm. Thu nhập trên mỗi cổ phần 9 tháng đạt đến 16.497 đồng.

"Ông lớn" trong ngành là Becamex (HoSE: BCM) có doanh thu tăng 9% lên 1.553 tỷ và lợi nhuận tăng 20% đạt 631 tỷ đồng. Lợi nhuận lũy kế 9 tháng giảm 27% còn 1.282 tỷ đồng và vượt 38% kế hoạch lợi nhuận năm (công ty đặt mục tiêu lãi năm nay là 931 tỷ đồng, giảm 65% so với năm 2019).

Một số doanh nghiệp khác có kết quả khả quan như Đầu tư Sài Gòn VRG (UPCoM: SIP) tăng 26% về lợi nhuận đạt 252 tỷ đồng, Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (HoSE: ITA) lãi tăng 66% lên 113 tỷ đồng, Đầu tư phát triển Thành Đạt (HNX: DTD) tăng lợi nhuận 212%..

Tin doanh nghiệp niêm yết

SGN chia tiếp cổ tức tiền mặt 20%

Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (HoSE: SGN) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt đợt 2 với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Với 33,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trả là 67 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 16/11 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 30/11.

Báo cáo kết quả 9 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu thuần hơn 573 tỷ đồng, giảm gần 50% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thu về hơn 81 tỷ đồng, giảm 69% và vượt xa kế hoạch năm.

Sản lượng tiêu thụ thép Hòa Phát thấp nhất 5 tháng do mưa lũ

Thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG), sản lượng bán hàng tháng 10 đạt 383.000 tấn thép, giảm 26,6% so với tháng trước và thấp nhất kể từ tháng 5. Trong đó, phôi thép là 133.000 tấn, giảm 21,8% so với tháng trước; thép thành phẩm 250.000 tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước và giảm 29% so với tháng trước.

Doanh nghiệp lý giải suốt tháng 10 vừa qua, miền Trung liên tiếp chịu ảnh hưởng nặng nề của bão lũ. Điều kiện thời tiết không thuận lợi là nguyên nhân chính dẫn đến tốc độ tăng trưởng tiêu thụ thép thành phẩm chậm hơn so với tháng trước. Tuy nhiên, việc tiêu thụ tại miền Bắc và miền Nam vẫn có sự tăng trưởng nhất định. Tiêu thụ tại thị trường miền Nam đạt khoảng 60.000 tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thép thành phẩm đạt gần 62.000 tấn, gấp 4,3 lần so với cùng kỳ. Thị trường các nước như Canada, Malaysia, Nhật Bản, Campuchia, Ghana liên tục có những đơn đặt hàng lớn với các sản phẩm thép luyện từ quặng sắt, chất lượng cao. Về bán hàng phôi thép, lượng phôi xuất bán ra khỏi nhà máy trong tháng 10 đạt hơn 133.000 tấn, chủ yếu là xuất khẩu.

Lũy kế 10 tháng, thép Hòa Phát đạt sản lượng 4,6 triệu tấn thép thô, gấp 2 lần cùng kỳ 2019. Sản lượng bán hàng đạt gần 4,14 triệu tấn, trong đó thép xây dựng thành phẩm trên 2,7 triệu tấn, tăng 28,6%. Thép thành phẩm xuất khẩu đạt 435.000 tấn, gấp hơn 2 lần cùng kỳ. Sản lượng phôi vuông bán ra là 1,4 triệu tấn

Source: NDN

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Mua	04/11/20	41.7	41.7	0.0%	48.5	16.3%	40	-4.1%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PLC	Quan sát mua	04/11/20	22.4	25.5 | 28	Phiên tăng tốt kèm vol cắt lên lại MA50 cho tín hiệu phá vỡ giả MA50 -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 22-22.1
2	IMP	Quan sát mua	04/11/20	49.5	56.5-57	Nhịp bật tăng tốt trở lại sau khi retest hỗ trợ thành công + phiên điều chỉnh yếu trước áp lực hàng t+ -> tín hiệu khá tích cực, khả năng có thể sớm tăng trở lại
3	MSH	Quan sát mua	04/11/20	33.3	38-40	Nhịp điều chỉnh test MA50 tích cực với vol cạn dần -> khả năng sớm có phiên break trendline cũng như MA200, bắt đầu nhịp tăng mới
4	SBT	Quan sát mua	04/11/20	15.35	18	Phiên bật tăng tốt trở lại từ MA50 sau nhịp điều chỉnh vol giảm dần -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 15-15.1 với kỳ vọng sớm break kênh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	GEX	Mua	02/11/20	19.2	19	1.1%	21	10.5%	18.3	-4%	
2	DHC	Mua	03/11/20	48.1	47.1	2.1%	52	10.4%	45.7	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 03/11/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	800	-5.9 %	-48%	106	43	55,900	(0)	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	12,950	13.1 %	77%	2,306	6	52,800	13,784	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2008	1,500	1,620	12.5 %	8%	11,388	72	52,800	1,236	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,410	9.6 %	-3%	26,035	73	52,800	2,082	HCM	FPT	46,800	3.0	15/01/2021
CFPT2010	7,900	5,980	11.8 %	-24%	28,780	74	52,800	1,783	HCM	FPT	52,000	1.0	16/01/2021
CFPT2011	1,700	1,810	9.0 %	6%	5,365	149	52,800	1,166	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	1,550	4.7 %	3%	1,192	182	52,800	848	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	3,900	4.0 %	3%	516	156	52,800	1,606	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CHPG2008	4,100	9,740	0.8 %	138%	12,832	75	30,700	9,884	HCM	HPG	22,910	0.8	17/01/2021
CHPG2012	6,100	11,650	1.8 %	91%	5,934	77	30,700	11,418	HCM	HPG	21,680	0.8	19/01/2021
CHPG2013	6,900	13,780	2.5 %	100%	507	28	30,700	13,885	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	12,500	0.1 %	74%	4,802	167	30,700	11,598	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	12,010	0.1 %	79%	45	118	30,700	11,494	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	5,300	1.0 %	141%	43,531	72	30,700	5,194	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	3,550	1.4 %	118%	77,698	45	30,700	3,337	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CHPG2020	5,700	7,830	7.3 %	37%	51,910	239	30,700	5,800	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	3,710	0.3 %	55%	43,002	149	30,700	3,020	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021
CHPG2022	2,100	3,270	2.2 %	56%	9,009	182	30,700	2,275	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2023	2,100	3,650	3.4 %	74%	56,233	70	30,700	2,430	ACBS	HPG	28,500	1.0	12/01/2021
CHPG2024	2,200	3,160	6.0 %	44%	5,741	156	30,700	1,969	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CMBB2003	2,000	2,920	12.7 %	46%	6,655	6	18,250	2,896	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	2,250	7.7 %	61%	33,264	72	18,250	2,084	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMBB2008	3,400	2,960	10.5 %	-13%	118,894	147	18,250	363	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMSN2001	2,300	3,820	1.3 %	66%	5,336	43	84,000	3,681	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2006	1,900	5,710	9.2 %	201%	5,340	72	84,000	5,655	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	6,120	0.3 %	300%	3	34	84,000	6,225	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMSN2010	4,800	15,380	-1.3 %	220%	19,745	147	84,000	14,776	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	2,000	6,670	0 %	234%	658	149	84,000	6,506	HCM	MSN	52,000	5.0	01/04/2021
CMWG2007	12,900	21,640	-2.8 %	68%	2,047	27	107,200	21,559	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2010	1,400	2,900	3.6 %	107%	16,011	72	107,200	2,701	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,950	4.2 %	66%	213	45	107,200	4,421	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,170	0 %	41%	2,368	97	107,200	5,884	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CMWG2013	12,000	12,500	4.2 %	4%	2,664	239	107,200	8,419	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2014	2,500	2,860	0.4 %	14%	7,267	66	107,200	768	BSI	MWG	107,000	3.9	08/01/2021
CNVL2001	2,300	1,800	0 %	-22%	201	43	62,100	0	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	1,990	-1.5 %	-1%	2,843	127	62,100	639	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2006	1,000	1,460	-2.0 %	46%	32,450	72	71,000	1,229	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,780	-3.8 %	126%	823	17	71,000	3,612	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	4,500	-0.9 %	49%	9,782	97	71,000	4,266	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CPNJ2009	1,400	2,210	-7.9 %	58%	11,152	149	71,000	1,722	HCM	PNJ	58,000	8.0	01/04/2021
CREE2005	1,300	2,510	3.7 %	93%	5,014	72	42,200	2,465	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	120	-7.7 %	-88%	34,445	43	2,230	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	400	33.3 %	-86%	411	43	15,350	(0)	KIS	SBT	20,450	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,940	3.2 %	14%	44,199	43	13,600	1,745	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,660	9.9 %	90%	48,652	27	13,600	2,620	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2006	1,500	1,340	2.3 %	-11%	2,058	153	13,600	637	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,200	0 %	113%	1,790	17	13,600	3,412	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	2,990	3.1 %	81%	20,065	45	13,600	2,734	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CSTB2011	2,700	1,550	8.4 %	-43%	125,794	147	13,600	473	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2012	2,500	2,060	2.5 %	-18%	956	149	13,600	1,184	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CTCB2005	3,000	1,590	22.3 %	-47%	3,543	27	22,000	228	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2007	1,700	1,950	14.7 %	15%	49,861	72	22,000	1,065	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,800	12.5 %	5%	10,908	45	22,000	1,032	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CTCB2009	4,400	3,500	39.4 %	-20%	100,301	147	22,000	1,241	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	1,700	17.2 %	-15%	47,510	149	22,000	762	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CVHM2001	3,100	800	60.0 %	-74%	9,000	43	75,800	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	3,600	-5.3 %	-69%	1,608	27	75,800	298	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2005	1,400	700	-1.4 %	-50%	17,919	72	75,800	82	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,590	-1.9 %	-45%	41,443	97	75,800	641	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVHM2009	1,400	1,280	-0.8 %	-9%	7,449	149	75,800	646	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	1,180	4.4 %	-9%	600	182	75,800	487	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVIC2006	1,700	2,460	-6.5 %	45%	10,304	149	104,400	1,847	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVJC2001	2,400	140	0 %	-94%	1,588	43	105,500	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2005	2,000	1,320	6.5 %	-34%	11,096	97	105,500	679	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,210	-3.5 %	-7%	1,310	27	107,700	15,408	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2007	2,400	1,340	-2.2 %	-44%	20,740	127	107,700	310	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,210	-0.9 %	23%	9,663	72	107,700	1,786	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,700	0 %	49%	13,161	34	107,700	2,454	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,690	-0.7 %	0%	3,284	97	107,700	2,204	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVNM2012	7,700	5,350	2.1 %	-31%	14,257	147	107,700	2,075	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,530	-1.9 %	-19%	4,160	149	107,700	742	HCM	VNM	104,000	10.0	01/04/2021
CVPB2006	3,400	1,110	1.8 %	-67%	26,416	27	23,950	254	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2008	1,800	1,660	0.6 %	-8%	26,648	72	23,950	1,071	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,950	2.6 %	20%	12,065	17	23,950	1,887	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVPB2010	4,700	3,240	3.9 %	-31%	62,230	147	23,950	1,498	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	1,740	3.6 %	-8%	11,682	182	23,950	930	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	1,820	5.2 %	-9%	1,206	149	23,950	1,031	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2003	3,000	180	5.9 %	-94%	1,682	43	25,550	(0)	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,060	1.0 %	-74%	2,923	27	25,550	0	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2007	1,520	410	13.9 %	-73%	25,660	153	25,550	15	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,070	-5.3 %	-11%	5,752	72	25,550	142	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021
CVRE2012	1,300	820	-8.9 %	-37%	70,739	149	25,550	296	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
FMC (New)	HOSE	30,450	35,400	29/10/2020	196	3,997	19,396	21%	11.9%	8.9	1.8	25%
TNG (New)	HNX	11,900	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
TCM (New)	HOSE	24,850	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,400	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC	HOSE	13,700	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	19,900	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	11,800	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	62,800	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	27,200	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	49,500	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	55,900	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	85,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	47,200	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	57,100	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	25,550	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	9,700	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	107,200	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%

*** Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.**
**** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.**

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%
Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.
Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưngvà các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng(hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).
Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5413 7991
Web: www.phfm.vn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.